

Bản án số: 168/2018/DS – PT
Ngày 30 - 5 - 2018
V/v tranh chấp thừa kế
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLPT- DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2017/DS – ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị Kim N1, sinh năm 1978

2. Ông Phạm Thành N2, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: số XXY, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N1: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2016)

Địa chỉ: số XXY, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Tấn T1 – Văn phòng Luật sư Võ Tấn T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1963

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị T2: bà Phạm Minh T3, sinh năm 1990 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 11 năm 2015)

Cùng địa chỉ: số MNT, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thùy V – Văn phòng Luật sư Lê Thùy V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B;

Địa chỉ: 0XY, đại lộ Đ, phường Y, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Thành H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc K (theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 7 năm 2016);

(ông Khánh có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo văn bản đề ngày 17 tháng 3 năm 2017)

- *Người làm chứng phía nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Văn N3, sinh năm: 1953

Địa chỉ: ấp T, xã TL, huyện T, tỉnh T.

2. Bà Phạm Hạnh Ngân H1, sinh năm: 1964

Địa chỉ: XXZ, ấp P, xã B, thành phố B, tỉnh B.

3. Bà Phạm Thị Kim T4, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ABC ấp P, xã B, thành phố B, tỉnh B.

4. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện C, tỉnh B.

- *Người làm chứng phía bị đơn:*

1. Bà Lữ Thị Thu T6, sinh năm: 1984

Địa chỉ: HM, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Kim H2, sinh năm: 1963

Địa chỉ: XYZ ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh B.

3. Bà Huỳnh Thị Kim H3, sinh năm: 1961

Địa chỉ: XY/HZ, TC, phường XY, quận T, Thành phố H.

4. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1964

Địa chỉ: XY/C khu phố X, Thị trấn C, huyện C, tỉnh B.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Phạm Thành N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thành N2 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N1 là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Phạm Thị A, sinh năm 1920, chết ngày 13 tháng 4 năm 2014, bà A có chồng là ông Nguyễn Văn T7, ông T7 và bà A chung sống đến năm 1963 thì ly hôn. Sau khi ly hôn, bà A được cha mẹ ruột cho một phần đất để canh tác tạo thu nhập nuôi hai con là Phạm Văn A1 và Phạm Thị T2. Ông A1 chết ngày 29 tháng 01 năm 2010, ông có hai người con là Phạm Thị Kim N1 và Phạm Thành N2.

Ngày 27 tháng 12 năm 2011, bà A có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản gồm phần đất thổ cư thửa 726 diện tích 300 m² và 3.300 m² đất nông nghiệp thửa 727, cùng tờ bản đồ số 01 cho bà T2. Trên phần đất thổ cư có một căn nhà xây tường gạch, nền gạch tàu, mái tole diện tích 80 m², phần nhà đất này là tài sản riêng của bà A. Toàn bộ phần đất này hiện bà T2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22 tháng 7 năm 2015 và có số thửa mới là 239, tờ bản đồ số 04, diện tích đo đạc thực tế là 3512,2 m².

Ngoài ra, trong năm 2015 bà A nhận được bồi thường với số tiền 395.459.000 đồng từ công trình đường dây 220KV Bến Tre – Mỹ Cày. Bà T2 đã đại diện bà A nhận số tiền này. Nay nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu cụ thể như sau:

- Hủy tờ di chúc của bà A lập ngày 27 tháng 12 năm 2011 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 19 tháng 01 năm 2012 do di chúc này không hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 652, Điều 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 vì bà A là người không biết viết chữ, di chúc do bà A lập không có người làm chứng.

- Yêu cầu được nhận 197.729.500 đồng là ½ số tiền bà A được bồi thường từ công trình đường dây 220KV Bến Tre - Mỹ Cày.

- Yêu cầu chia đôi phần đất diện tích 3.512,2 m² vì đa số cây trồng nằm trên thửa 239a và căn nhà bà A thì nằm trên thửa 239b nên không có yêu cầu bồi hoàn giá trị chênh lệch giữa căn nhà và hoa màu trên đất. Mặc dù, đường dây tải điện nằm hoàn toàn trên thửa 239b nhưng trường hợp nguyên đơn được nhận

phần đất thuộc thửa 239a hay 239b thì cũng chỉ yêu cầu bị đơn phải giao lại số tiền 197.729.500 đồng.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Phạm Thị T2 thửa đất 239, tờ bản đồ số 04 với lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được thực hiện trong thời gian đang tranh chấp.

Nguyên đơn hoàn toàn thống nhất với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chi phí thu thập chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo quy định pháp luật.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị T2 là bà Phạm Minh T3 trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân của bà A, quan hệ huyết thống giữa nguyên đơn, bị đơn cũng như ngày bà A và ông A1 chết. Bị đơn thừa nhận di sản bà A để lại là tài sản riêng của bà Ảnh.

Bà A sống chung với bà T2 và các cháu ngoại từ rất lâu, cuộc sống rất khổ cực, bà A thường xuyên bị ông A1 và ông N2 đánh chửi. Bà A không biết viết chữ chỉ biết đọc số, không am tường pháp luật nên từ giữa năm 2011 bà A đã đi hỏi về thủ tục lập di chúc. Bà A đã nhờ hội người cao tuổi ghi lại ý chí của bà và khi lập di chúc bà có đi khám sức khỏe đúng quy định. Ý chí định đoạt tài sản trong di chúc là hoàn toàn tự nguyện và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M. Theo bà thì di chúc này hoàn toàn hợp pháp vì thủ tục lập di chúc do Ủy ban hướng dẫn. Bà yêu cầu Tòa án công nhận giá trị pháp lý của tờ di chúc này.

Bà T2 thừa nhận có trực tiếp nhận số tiền 395.459.000 đồng từ Trung tâm phát triển quỹ đất sau khi bà A chết. Tuy nhiên, bà Tường không nhớ rõ cụ thể thời gian nhận khi nào. Bị đơn không đồng ý chia đôi số tiền trên do số tiền này Trung tâm quỹ đất bồi thường cả đất, nhà và cây trái trên đất. Bà A đã lập di chúc để lại nhà, đất và tài sản trên đất cho bà T2 nên bà T2 phải được hưởng số tiền trên.

Sau khi bà A chết thì Ủy ban nhân dân xã M đã thực hiện theo nội dung của bản di chúc và ngày 22 tháng 7 năm 2015 Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 cho bà Phạm Thị T2.

Vì bà A đã có di chúc hợp pháp để lại toàn bộ tài sản bao gồm nhà, đất cho bà Tường nên bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện thành phố B là ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Ngày 15 tháng 11 năm 1991, bà A được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 726, 727

tờ bản đồ số 91 với tổng diện tích 3.300 m² tọa lạc tại xã Mỹ Thành, huyện C, tỉnh B.

Ngày 27 tháng 12 năm 2011, bà Ảnh lập tờ di chúc để lại cho bà Tường sử dụng các thửa đất nêu trên. Tờ di chúc có thông qua Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 19 tháng 01 năm 2012.

Ngày 08 tháng 6 năm 2015, bà T2 lập văn bản nhận tài sản thừa kế là người thừa kế duy nhất theo di chúc của bà Ảnh đối với phần đất thuộc các thửa 726, 727 tờ bản đồ số 01 với tổng diện tích 3.300 m² tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh B. Văn bản nhận tài sản thừa kế đã được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực và niêm yết công khai 15 ngày (từ ngày 22 tháng 5 năm 2015 đến ngày 08 tháng 6 năm 2015) theo Điều 15 Nghị định 29/2015/NĐ ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng. Trong quá trình niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân xã M không nhận được bất kỳ khiếu nại, đơn thư tranh chấp nào.

Ngày 15 tháng 7 năm 2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có tờ trình số 2351/TTr - UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T2.

Ngày 22 tháng 7 năm 2015, bà T2 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 239, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.436,3m², trong đó có 300 m² đất tọa lạc ở xã M, thành phố B, tỉnh B là phù hợp theo quy định pháp luật.

Ngày 17 tháng 3 năm 2017, ông Nguyễn Quốc K có văn bản số 457/TNMT với nội dung giữ nguyên quan điểm như trên đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và cam đoan không khiếu nại về sau.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 646 và 657 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 227, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim N1, ông Phạm Thành N2 về việc yêu cầu hủy tờ di chúc của bà Phạm Thị A lập ngày 27 tháng 12 năm 2011 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 19 tháng 01 năm 2012; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp thửa 239, tờ bản đồ số 04 cho bà Phạm Thị T2. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền 395.459.000 đồng bà Ảnh được bồi thường từ công trình đường dây 220Kv Bến Tre - Mỏ Cày và phần đất diện tích 3.512,2m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc định giá, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông Phạm Thành N2 có đơn kháng cáo.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Phạm Thành N2 trình bày: ông kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 150/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy tờ di chúc của bà Phạm Thị A lập ngày 27 tháng 12 năm 2011 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 19 tháng 01 năm 2012. Chia di sản thừa kế của bà A theo pháp luật, cụ thể: chia đôi phần đất diện tích 3.512,2 m², gồm 03 thửa 239a, 239b và 239c thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh B. Đồng thời yêu cầu chia đôi số tiền bà A được bồi thường từ công trình đường dây 220KV Bến Tre – Mỏ Cày, do bà Phạm Thị T2 đại diện nhận số tiền 395.459.000 đồng, yêu cầu được nhận phân nửa với số tiền 197.729.500 đồng. Và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Phạm Thị T2 đối với thửa 239, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N1 là bà Nguyễn Thị C trình bày: bà Ngân thống nhất với yêu cầu của ông Phạm Thành N2.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị T2 là bà Phạm Minh T3 trình bày: không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành N2. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 150/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 150/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cụ thể hủy tờ di chúc của bà Phạm Thị A lập ngày 27 tháng 12 năm 2011 và chia di sản của bà A theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung bảo vệ: Bà A là người có khiếm khuyết, bà a không biết chữ. Pháp luật quy định đối với trường hợp người lập di chúc không biết chữ thì phải có 02 người làm chứng. Hơn nữa, thời điểm bà A điểm chỉ vào di chúc và thời điểm Ủy ban nhân dân xã M chứng thực vào di chúc là khác nhau. Tuy nhiều người làm chứng về mặt nội dung nhưng về mặt hình thức là sai không phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố B lập luận mặc dù hình thức di chúc là sai nhưng đây là lỗi của Ủy ban nhân dân xã M về việc hướng

dẫn hình thức cho bà A, chứ không phải lỗi của bà A. Với tư cách là một Luật sư dù bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ai thì cũng dựa trên quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hình thức của di chúc. Nếu di chúc không tuân thủ hình thức thì đề nghị chia di sản thừa kế của bà A để lại theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung bảo vệ: Tòa cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của bà A để lại là không đúng quy định của pháp luật vì việc bồi thường của đường dây tải điện Bến Tre – Mỏ Cày là nhiều khoản, trong đó có khoản tiền bồi thường tìm nghề nghiệp mới cho tất cả các thành viên. Căn nhà trên đất đó là Đài truyền hình HTV và các mảnh thường quân ở địa phương hỗ trợ xây dựng cho em Phạm Minh T3. Ngoài ra, về cây trồng trên đất ở chỗ địa phương bà Thảo cũng xác nhận là địa phương hỗ trợ trồng cho cả gia đình bà A chứ không phải riêng bà Ảnh. Hơn nữa, sau khi nhận được khoản tiền bồi thường thì bà Phạm Thị T2 và chị Phạm Minh T3 đã thực hiện phần nghĩa vụ của bà A lúc còn sống, cụ thể là trả khoản nợ cho bà A, hiện nay chỉ còn lại 12.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di chúc do người không biết chữ lập nếu có 02 người làm chứng xác nhận thì đương nhiên có hiệu lực, còn đối với trường hợp di chúc có công chứng thì đương nhiên có hiệu lực. Chị T6 ở Ủy ban nhân dân xã M được xem như là một người làm chứng vì chị đã đọc lại nhiều lần cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành nghe và có viết tên bà A, trỏ trái, trỏ phải trong di chúc, chị đã làm trách nhiệm như một người làm chứng. Ông H2 xác nhận là ông đánh máy đúng như tờ di chúc được lập bằng giấy viết tay, đúng từ dấu chấm, dấu phẩy. Rất nhiều người ở địa phương đều làm chứng là nội dung di chúc được lập đúng với tâm nguyện của bà A. Thực chất thì di chúc này có 03 người làm chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Phạm Thành N2, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị A (chết ngày 13/4/2014), ông Nguyễn Văn T7 là chồng của bà A (đã ly hôn với bà Ảnh từ năm 1963) có 02 người con gồm ông Phạm Văn A1 và bà Phạm Thị T2. Ông A1 chết ngày 29/01/2010. Ông A1 có 02 người con là bà Phạm Thị Kim N1, ông Phạm Thành N2.

[2] Theo nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N1, ông Phạm Thành N2 (là con ông An) cho rằng bà Ảnh (là bà nội) chết để lại tài sản gồm có: phần đất và tài sản (nhà, hoa màu và các công trình) gắn liền với đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại xã M, thành phố B, diện tích thực tế là 3.512,2 m² và số tiền 395.459.000 đồng là tiền được bồi thường từ công trình đường dây điện 220KV Bến Tre - Mỹ Cày. Toàn bộ tài sản này là của bà A tạo lập, hiện tại đang do bà Phạm Thị T2 quản lý, sử dụng. Trước khi bà A chết, bà A có làm tờ di chúc để lại toàn bộ tài sản nói trên cho bà T2 (bà T2 là cô ruột của ông N2, bà N1). Việc bà A làm di chúc, ông N2, bà N1 không hay biết. Đến ngày 30/5/2015 thì các ông bà biết được Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B có công bố di chúc của bà Ảnh, ông bà biết là di chúc của bà A để lại không hợp pháp. Vì vậy, các ông bà khởi kiện yêu cầu hủy tờ di chúc của bà Phạm Thị A lập ngày 27/12/2011 và chia thừa kế di sản của bà A nêu trên theo pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì di chúc bà A để lại là hợp pháp.

[3] Tại Bản án sơ thẩm dân sự số 150/2017 ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 09/10/2017, ông Phạm Thành N2 có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm nêu trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phạm Minh T3 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì tài sản nêu trên không phải chỉ riêng của bà A mà trong đó còn có của bà T2 và các con của bà T2 tạo nên. Khi còn sống do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghèo khổ ốm đau không có tiền chi tiêu nên bà A có vay mượn của nhiều người, cụ thể: vay của bà Nguyễn Thị H3 số tiền 21.300.000 đồng, vay của ông Nguyễn Thông H5 số tiền 49.500.000 đồng, vay của bà Huỳnh Thị Kim H4 số tiền 179.200.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng. Ngoài ra, số tiền bồi thường còn được bà A sửa nhà, làm nền nhà, phục vụ sinh hoạt hàng ngày và trị bệnh cho bà A. Hiện nay, số tiền bồi thường chỉ còn lại 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Phạm Thành N2 và bà Nguyễn Thị C không thừa nhận khoản nợ này vì trước đây tại cấp sơ thẩm phía bị đơn hoàn toàn không có đặt vấn đề việc bà A khi còn sống có nợ các khoản tiền này nên ông N2 không đồng ý theo lời trình bày của phía bị đơn khấu trừ vào di sản của bà A để lại. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa hôm nay đã phát sinh tình tiết mới, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải làm rõ việc bà Phạm Thị A có nợ tiền bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Thông H5, bà Huỳnh Thị Kim H4 như lời trình bày của phía bị đơn hay không để giải quyết toàn diện vụ án. Bởi lẽ, khi giải quyết vụ án này nếu bà A có nợ tiền thì phải trừ vào di sản để lại, sau đó mới xem xét đến việc phân chia di sản. Ngoài ra, cần phải xem xét tính hợp pháp của di chúc, hoàn cảnh bà A lập di chúc, ý chí của bà Ảnh và toàn bộ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án phù hợp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, cần làm rõ phần tài sản tranh chấp có phải tất cả là tài sản của bà Phạm Thị A để lại hay không. Do đó, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Thành N2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết theo thủ tục chung.

Án phí phúc thẩm ông Phạm Thành N2 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011495 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre cho ông Phạm Thành N2.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương